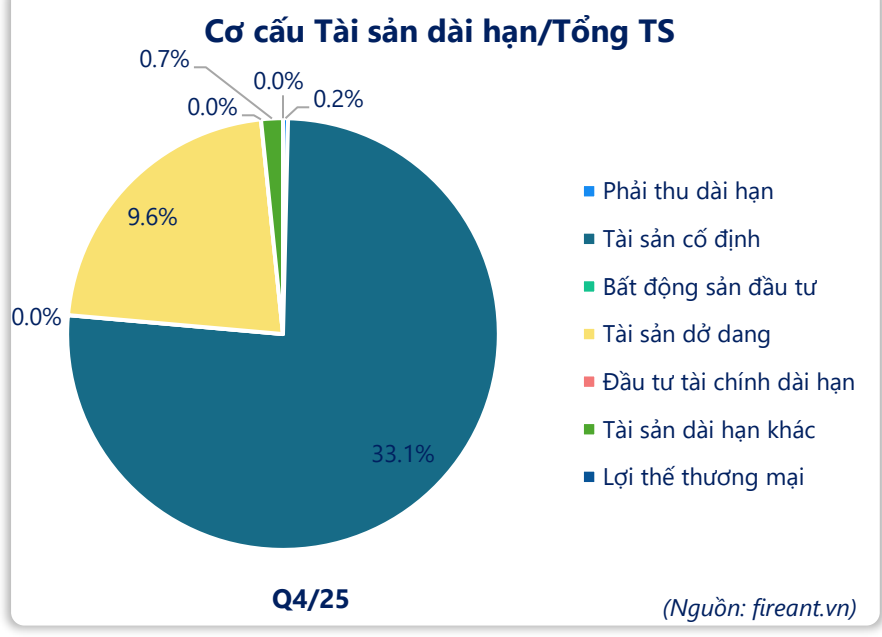
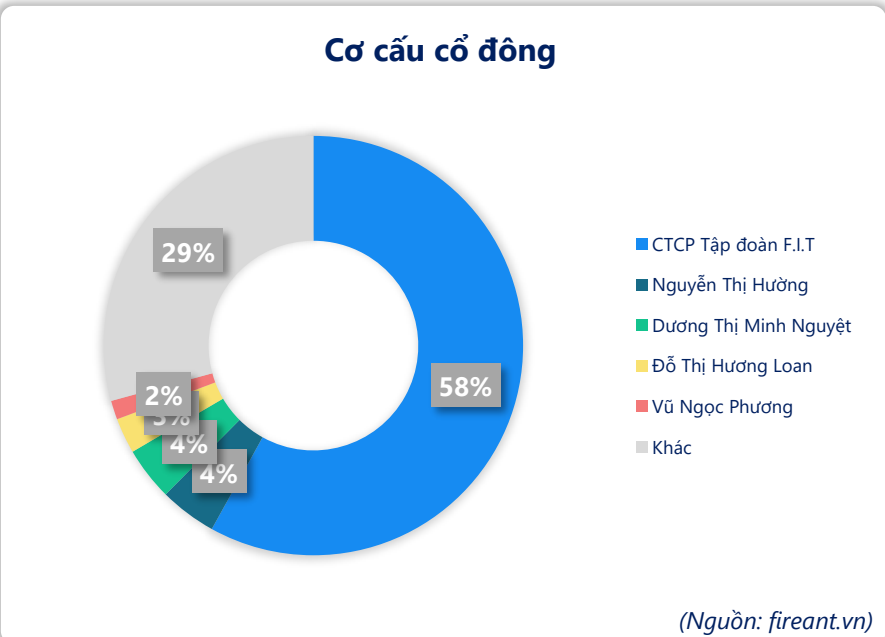
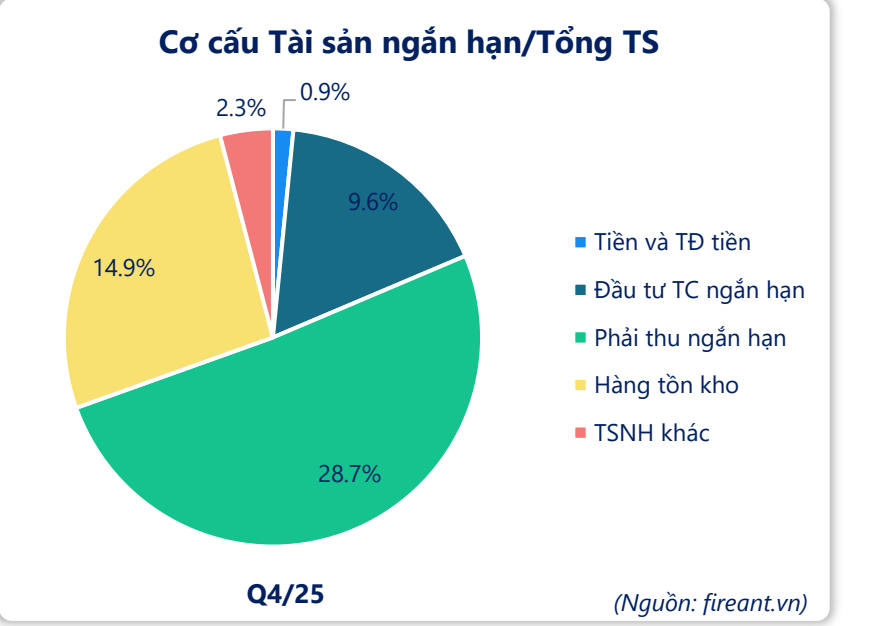
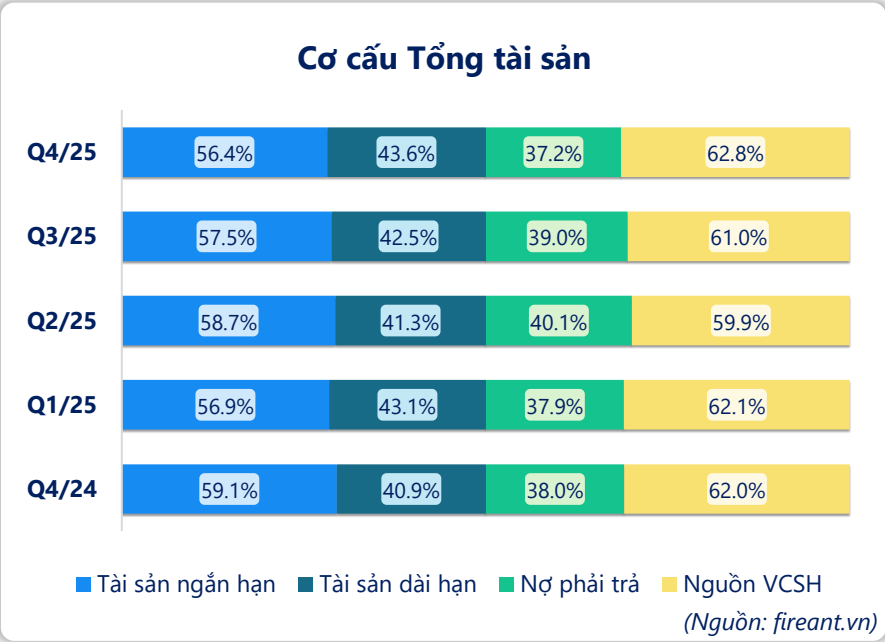
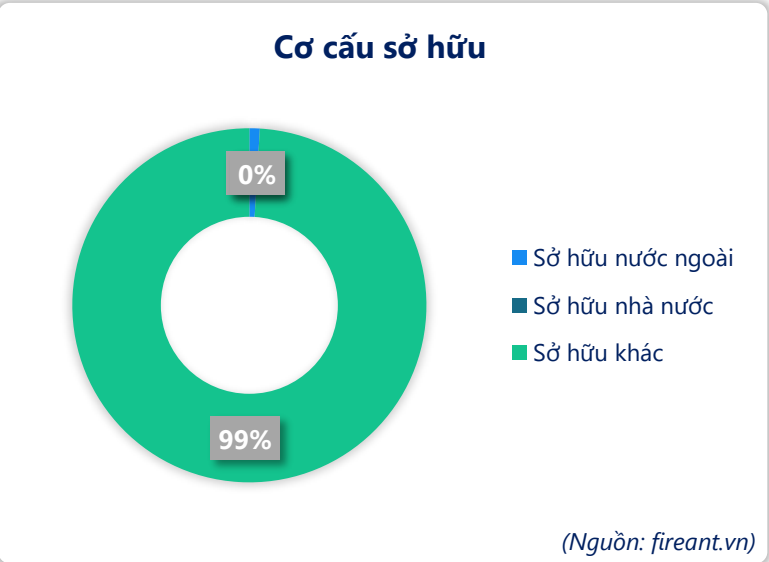
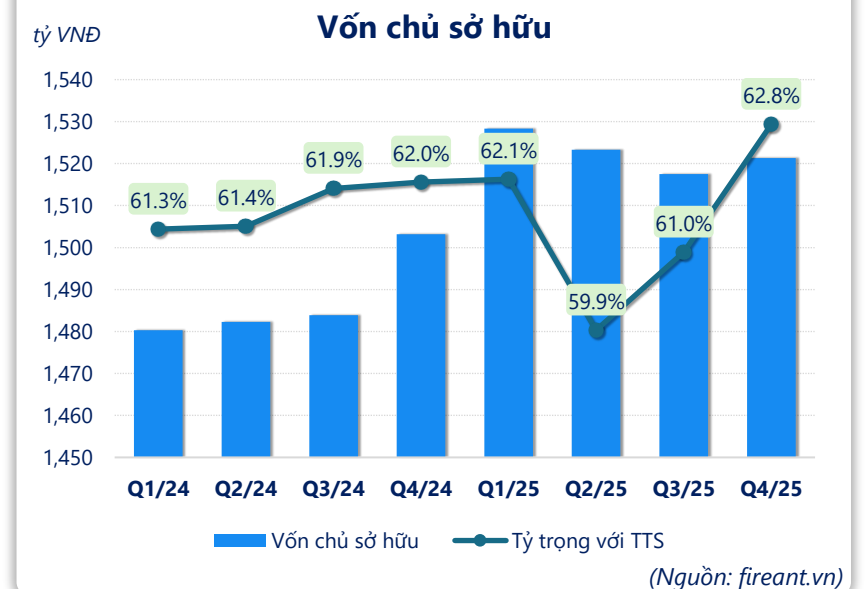
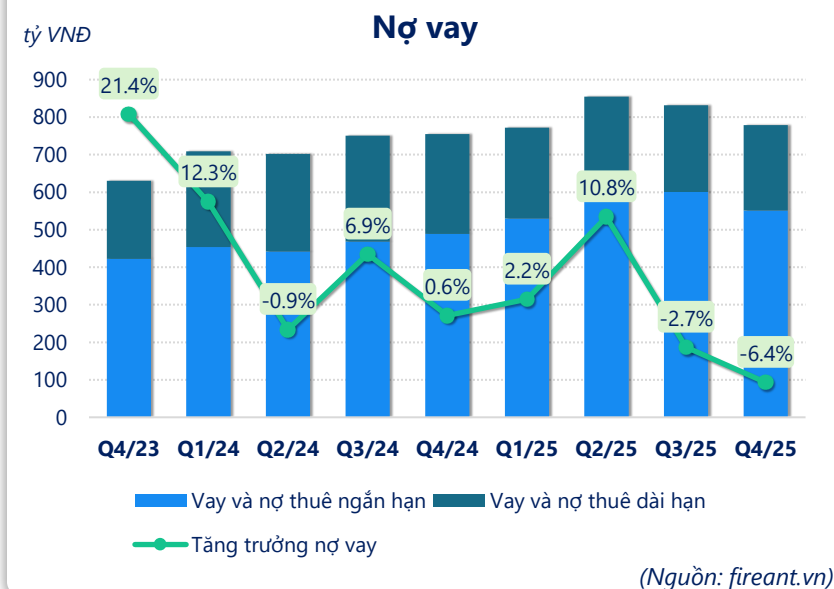
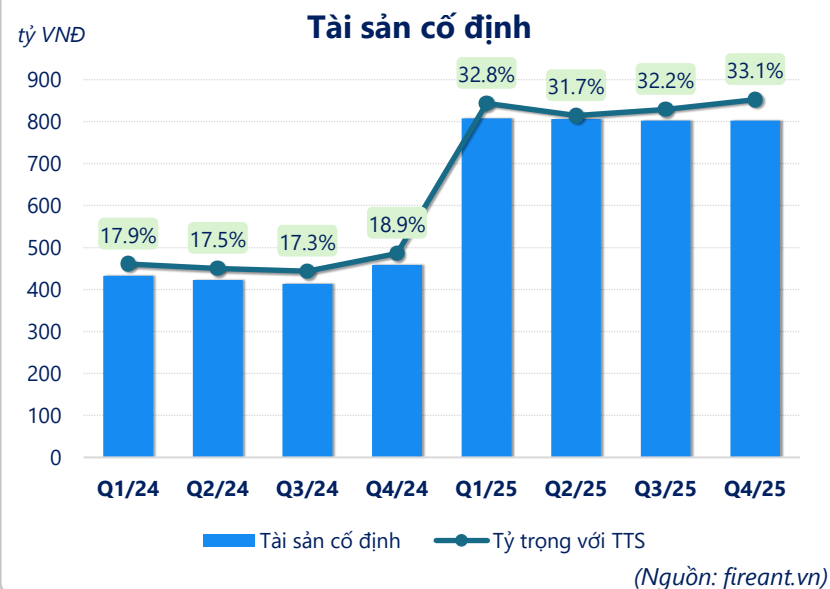
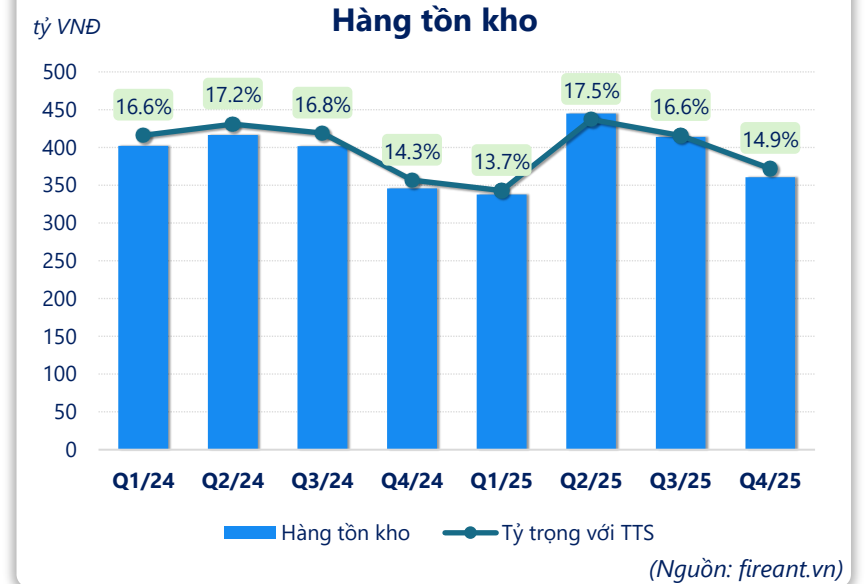
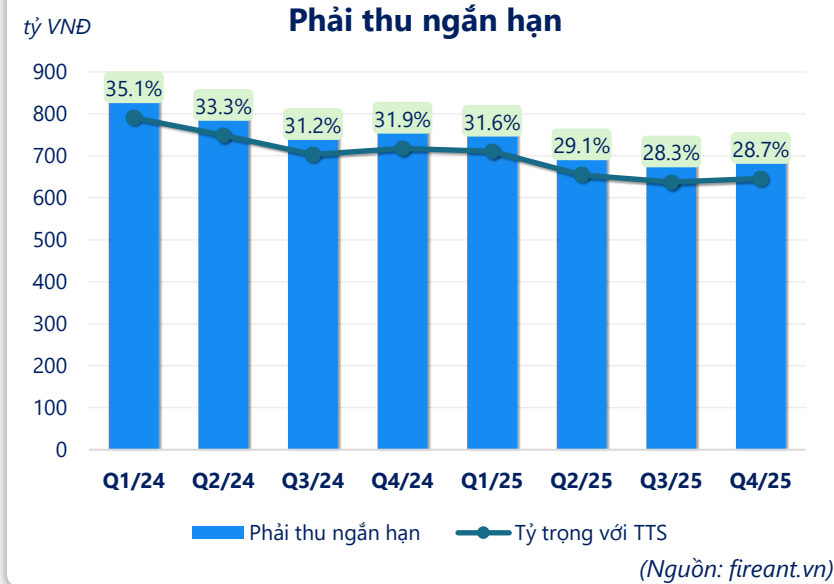
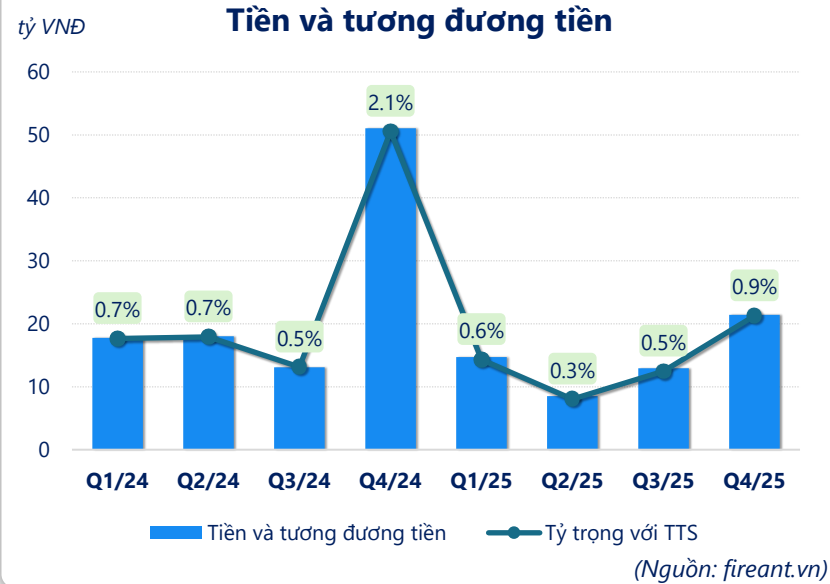
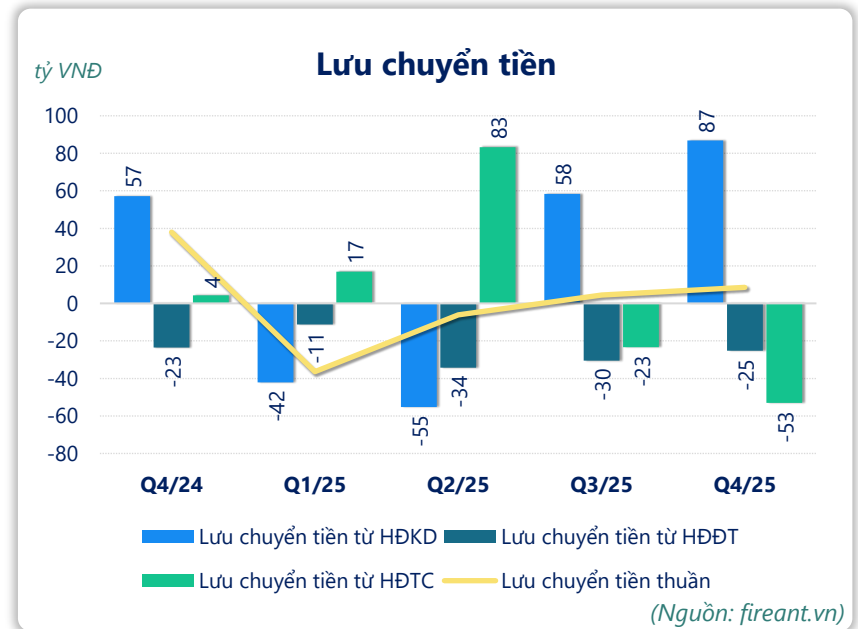
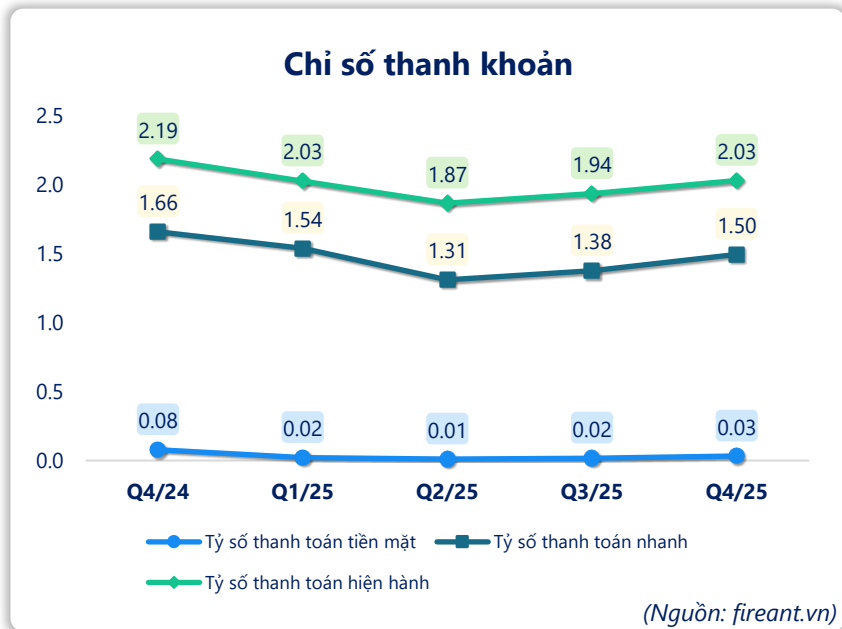
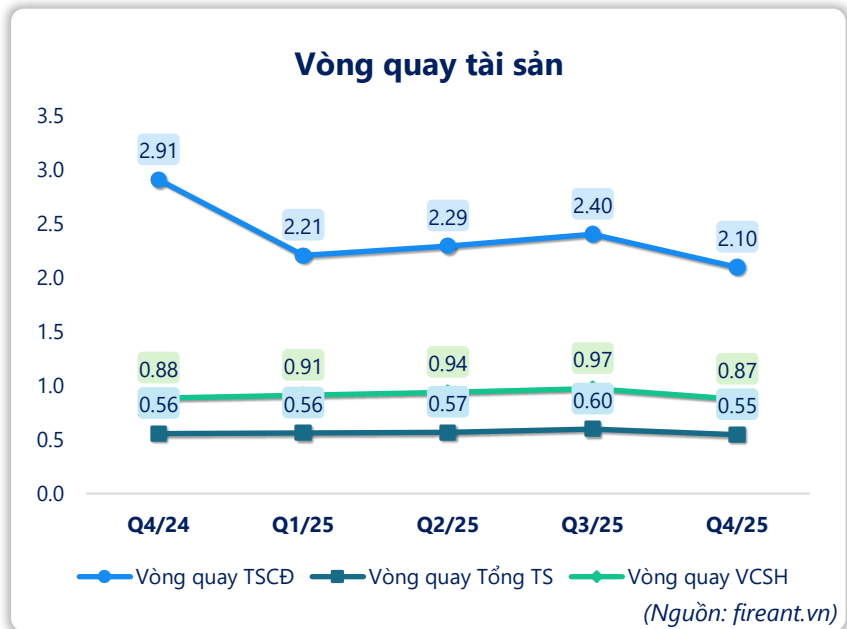
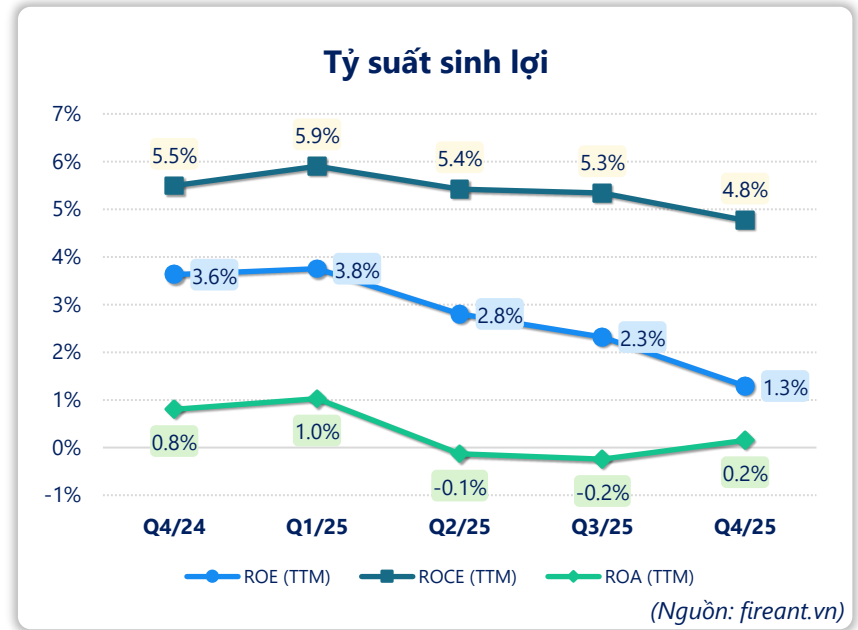
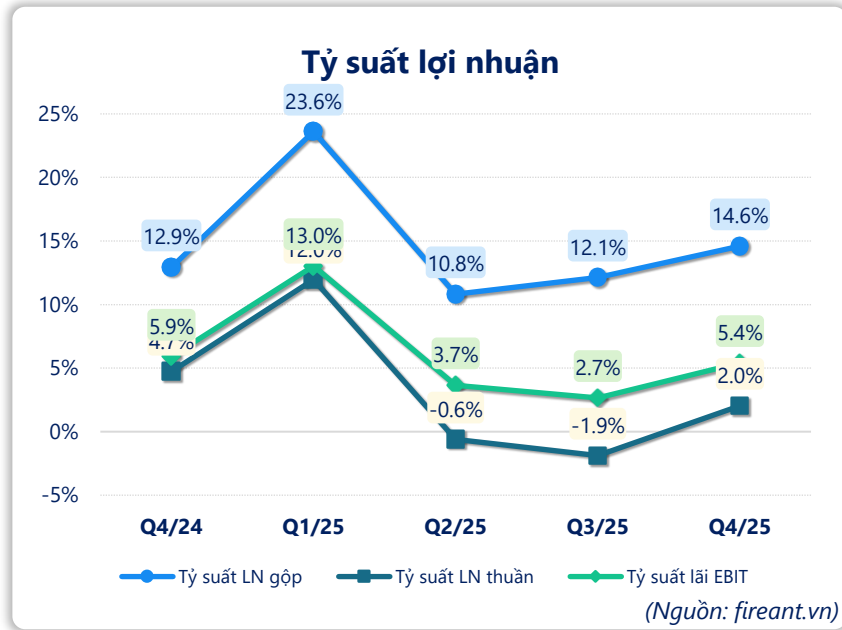
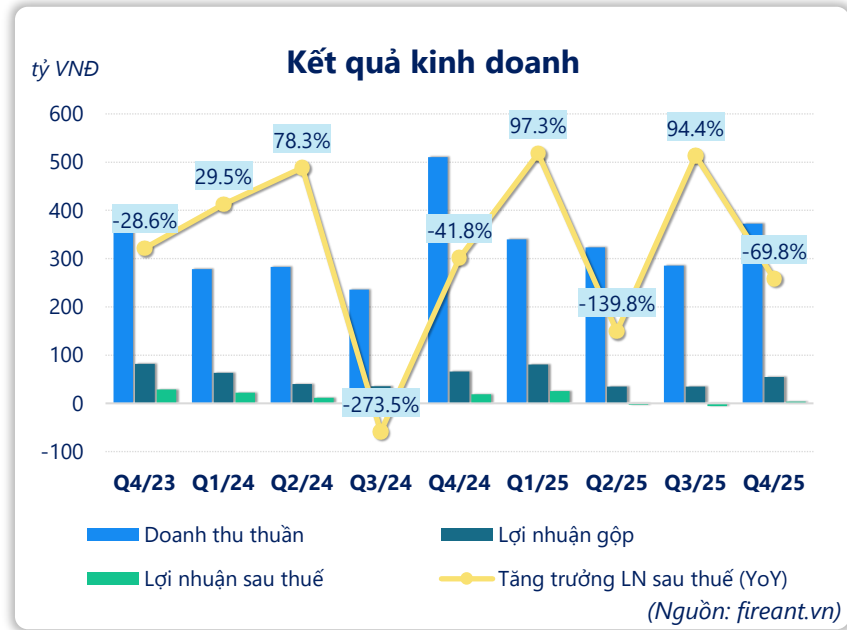


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		43,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		45,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		19,850
SL cổ phiếu LH		73,041,030
KLGD BQ 20 phiên (CP)		782,010
% sở hữu nước ngoài		0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,141
P/E		160.9
EPS		267

	YTD	1T	3T	6T
DCL	60.4%	3.6%	42.4%	87.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,421	2,424	-0.1%
Tài sản ngắn hạn	1,365	1,432	-4.7%
Tiền và tương đương tiền	21.4	51.1	-58.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	233	215	8.4%
Phải thu ngắn hạn	695	774	-10.2%
Hàng tồn kho	360	346	4.2%
Tài sản ngắn hạn khác	55.6	46.8	18.8%
Tài sản dài hạn	1,055	992	6.4%
Phải thu dài hạn	3.98	3.79	5.1%
Tài sản cố định	802	458	75.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	232	514	-54.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	17.2	15.7	9.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	899	921	-2.4%
Nợ ngắn hạn	672	655	2.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	551	489	12.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	67.5	105	-35.8%
Nợ dài hạn	227	266	-14.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	227	266	-14.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,521	1,503	1.2%
Vốn chủ sở hữu	1,521	1,503	1.2%
Vốn điều lệ	730	730	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	510	340	323	286	373
Giá vốn hàng bán	444	260	288	251	318
Lợi nhuận gộp	66.0	80.3	35.0	34.7	54.4
Doanh thu HĐTC	7.94	7.49	8.22	8.22	7.93
Chi phí TC	6.02	10.2	13.7	13.0	12.6
Chi phí lãi vay	6.00	10.1	13.5	13.0	12.6
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	29.1	20.5	16.2	19.3	24.6
Chi phí QLDN	14.7	16.4	15.3	16.0	17.5
LN thuần từ HĐKD	24.1	40.7	-1.98	-5.38	7.62
Lợi nhuận khác	0.00	-6.51	0.31	0.01	-0.05
LN trước thuế	24.1	34.2	-1.66	-5.37	7.57
Lợi nhuận sau thuế	19.1	25.2	-3.07	-5.79	3.79
LNST của CĐ cty mẹ	18.9	25.0	-3.22	-5.94	3.66

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	57.2	-42.1	-55.2	58.3	86.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-23.5	-11.2	-34.2	-30.4	-25.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	4.24	16.9	83.2	-23.4	-53.1
Tiền đầu kỳ	13.1	51.1	14.7	8.51	12.9
Lưu chuyển tiền thuần	38.0	-36.4	-6.18	4.40	8.52
Ảnh hưởng tỷ giá	0.02	0.00	0.00	0.01	-0.02
Tiền cuối kỳ	51.1	14.7	8.51	12.9	21.4

(Nguồn: fireant.vn)